

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng ☒ viên ; Giảng viên thỉnh ☐ giảng

Ngành: Sinh học; Chuyên ngành: Công nghệ sinh học, Vi sinh vật học

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: TRẦN THỊ THÚY

2. Ngày tháng năm sinh: 13/09/1975; ☐ Nam ☒ Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Quang Lịch, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Phòng 1617, nhà N03, phố Trần Quý Kiên, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Phòng 1617, nhà N03, phố Trần Quý Kiên, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng: 02462693611; Điện thoại di động: 0903286585;

E-mail: thuy_tt@hnue.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 6, năm: 2000 đến tháng 1, năm 2001: Nghiên cứu viên, Viện Công nghệ Sinh học, Viện Hàn lâm KH và CN Việt Nam.

Từ tháng 1, năm 2001 đến tháng 3, năm 2012: Giảng viên, Khoa Sinh học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Từ tháng 3, năm 2012 đến tháng 3, năm 2013: Giảng viên, Phó Trưởng bộ môn CNSH-Vi sinh, Khoa Sinh học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Từ tháng 3, năm 2013 đến tháng 4, năm 2014: Giảng viên, Trưởng bộ môn CNSH-Vi sinh, Khoa Sinh học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Từ tháng 4, năm 2014 đến nay: Giảng viên chính, Trưởng bộ môn CNSH-Vi sinh, Khoa Sinh học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng bộ môn Công nghệ sinh học – Vi sinh;

Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng bộ môn

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Sinh học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: 136 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 02437547823

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 5 tháng 8 năm 1996; số văn bằng: 07706; ngành: Sinh-Kỹ thuật nông nghiệp, chuyên ngành: Phương pháp giảng dạy bộ môn Sinh học; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

- Được cấp bằng ThS ngày 14 tháng 4 năm 2000; số văn bằng: 14822; ngành: Sinh học; chuyên ngành: Vi sinh vật học; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

- Được cấp bằng TS ngày 17 tháng 12 năm 2010; số văn bằng: 750913-8009; ngành: Khoa học; chuyên ngành: Công nghệ sinh học; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Lund, Thụy Điển.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ,
ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Phó giáo sư** tại HĐGS cơ sở: **TRƯỜNG
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI**

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Phó giáo sư** tại HĐGS ngành, liên ngành:
SINH HỌC

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Hướng nghiên cứu 1: *Công nghệ gene vi sinh vật – Tách dòng, biểu hiện gene, tạo đột biến điểm định hướng nhằm cải biến đặc tính sinh học, nâng cao năng suất cho các sản phẩm protein tái tổ hợp.*
- Hướng nghiên cứu 2: *Ứng dụng sinh khối vi sinh vật và các sản phẩm từ vi sinh vật trong thực phẩm, đồ uống và thức ăn chăn nuôi.*
- Hướng nghiên cứu 3: *Nghiên cứu đa dạng vi sinh vật và các sản phẩm trao đổi chất có hoạt tính từ vi sinh vật.*

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 01 NCS bảo vệ thành công luận án TS (đồng hướng dẫn);
- Đã hướng dẫn (số lượng) 12 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 01 đề tài cấp Trường (nghiệm thu năm 2014) và 01 đề tài cấp Nhà nước (nghiệm thu năm 2019); tham gia 02 đề tài cấp Bộ GD&ĐT (nghiệm thu năm 2014 và 2020).
- Đã công bố (số lượng) 26 bài báo khoa học, trong đó 04 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 02 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản, trong đó thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Bằng khen Bộ trưởng Bộ GD&ĐT: Đã có thành tích xuất sắc trong công tác tổ chức Kỳ thi Olympic Sinh học quốc tế Lần thứ 27 tại Việt Nam năm 2016, Số 2858/QĐ-BGDĐT ngày 17/8/2016, Bộ giáo dục và đào tạo.
- Bằng khen của Bộ GD&ĐT về thành tích hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải Ba, cấp Bộ GD & ĐT (Sinh viên: Lê Thị Hồng).

- Giải Ba – Giải thưởng Sáng tạo Khoa học và Công nghệ Việt Nam (VIFOTEC) cho Nhóm tác giả, năm 2014.
- Bằng Lao động sáng tạo do Ban chấp hành Tổng liên đoàn lao động Việt Nam trao tặng năm 2014.
- Giải Ba tại Hội thi sáng tạo Khoa học, Công nghệ lần thứ 6 (2000-2001) do Bộ Khoa học và Công nghệ cùng với Hiệp hội Khoa học và Công nghệ Việt Nam tổ chức.
- Huy chương Tuổi trẻ sáng tạo do Ban chấp hành Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trao tặng năm 2001.
- Bằng Lao động sáng tạo do Ban chấp hành Tổng liên đoàn lao động Việt Nam trao tặng năm 2001

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Hoàn thành tốt các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo
2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:
 - Tổng số 20 năm.
 - Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2015-2016			02	01	217,5	217,5	435/600/216
2	2016-2017				01	240,5	217,5	458/483/216
3	2017-2018			01	02	248,5	157,5	406/526/216
03 năm học cuối								
4	2018-2019			01	02	322,35	157,5	479,85/599,85/216
5	2019-2020				01	253	97,5	350,5/400,5/216
6	2020-2021		01		03	225	30	255/405/216

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ☐ ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ☐ ThS ☒ hoặc luận án TS hoặc TSKH;
tại nước: Thụy Điển năm 2010

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong ☐ nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ... số bằng: ...; năm cấp: ...

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

d) Đối tượng ☐ khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): tiếng Anh (trình độ C), số chứng chỉ: C121326; năm cấp: 1996

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Đào Thị Nữ		x	x		2010 – 2011	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	2011
2	Trương Thị Liên		x	x		2011 – 2012	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	2012
3	Trần Thị Huệ		x	x		2011 – 2012	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	2012
4	Phạm Thị Thúy Hằng		x	x		2012 – 2013	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	2013
5	Phạm Thị Thi		x	x		2012 – 2014	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	2014
6	Phạm Thị Thanh Nhân		x	x		2013 – 2014	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	2014
7	Lê Thị Hồng		x	x		2014 – 2015	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	2015

8	Vũ Phương Liên		x	x		2014 – 2015	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	2015
9	Hoàng Thị Mến		x	x		2015-2016	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	2016
10	Đặng Xuân Phương		x	x		2015-2016	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	2016
11	Nguyễn Thị Hồng Nghiệp		x	x		2017-2018	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	2018
12	Mai Thị Ngọc		x	x		2018-2019	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	2019
13	Hoàng Thị Lệ Thương	x			x	2015-2020	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	2020

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1					
2					
3					
...					
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
1	Nghiên cứu quy trình phối hợp phytaza kiềm và axit trong một chế phẩm phytaza vi sinh để bổ sung vào thức ăn chăn nuôi	Chủ nhiệm	SPHN-12-130	Từ tháng 7 năm 2012 đến tháng 12 năm 2013	Quyết định số 235/QĐ-ĐHSPHN-KHCN ngày 20/1/2014, Xuất sắc
2	Nghiên cứu ứng dụng enzyme phytase trong chế biến đậu nành và ngũ cốc tạo sản phẩm thực phẩm	Chủ nhiệm	ĐT.03.15/CNSHCB	Từ tháng 7 năm 2015 đến tháng 12 năm 2019	Quyết định số 2663/QĐ-BCT ngày 29/8/2019, Đạt
3	Nghiên cứu công nghệ sản xuất chế phẩm vi nấm <i>Nomuraea rileyi</i> trong phòng trừ sâu hại rau, đậu vùng Hà Nội	Thành viên	B2012-17-16	Từ tháng 6 năm 2012 đến tháng 6 năm 2014	Quyết định số 1261/QĐ-BGDĐT ngày 11/4/2014, Xuất sắc
4	Nghiên cứu và phát triển các phương pháp phân tích dữ liệu lớn trên dữ liệu mạng sinh học hỗn hợp để phát hiện các yếu tố liên quan đến các bệnh di truyền	Thành viên	B2018-SPH-52	Từ tháng 1 năm 2018 đến tháng 12 năm 2019	Quyết định số 650/QĐ-BGDĐT ngày 6/3/2020, Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1	Đặc tính hóa phân loại chủng vi khuẩn lactic sinh bacteriotoxin có phổ tác dụng rộng	3		Báo cáo khoa học tại Hội nghị Công nghệ sinh học toàn quốc, Hà Nội - 1999	Kỷ yếu hội nghị Quốc Gia		314-318	1999
2	Tuyển chọn định hướng vi khuẩn lactic sinh bacteriocin từ một số thực phẩm lên men giàu protein ở Việt Nam	5	x	Thông báo Khoa học, Trường ĐH Sư phạm Hà Nội	Tạp chí KH trong nước		1/2000: 58-67	2000
3	Tối ưu hóa quá trình lên men enterocin của chủng vi khuẩn <i>Enterococcus</i> sp. Tn143 phân lập từ nem chua. Phần I: Nghiên cứu ảnh hưởng của một số yếu tố đến khả năng sinh bacteriotoxin của chủng vi khuẩn lactic <i>Enterococcus</i> sp. Tn143	7		Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ Quốc gia	Tạp chí KH trong nước		39(2): 1-6	2001
4	A thermostable phytase from <i>Bacillus</i> sp. MD2: cloning, expression and high-level production in <i>Escherichia coli</i> .	4	x	Journal of Industrial Microbiology and Biotechnology	Tạp chí Quốc tế SCI; IF = 2,810	75	37(3): 279-287	2010
II	Sau khi được công nhận TS							
5	A simple and fast kinetic assay for phytases using phytic acid-protein complex as substrate	4	x	Analytical Biochemistry. ISSN 0003-2697	Tạp chí Quốc tế SCI; IF = 2.334	44	410 (2): 177-184	2011
6	Thermostable alkaline phytase from <i>Bacillus</i> sp. MD2: effect of divalent metals on activity and stability.	6	x	Journal of Inorganic Biochemistry. ISSN: 0162-0134.	Tạp chí Quốc tế SCI; IF = 3.348	45	105 (7): 1000-1007	2011
7	Site-directed mutagenesis of an alkaline phytase: Influencing specificity,	7	x	Enzyme Microbial Technology. ISSN: 0141-0229.	Tạp chí Quốc tế SCI; IF = 2.502	26	49 (2): 177-184	2011

	activity and stability in acidic milieu.							
8	Tách dòng gen <i>appA</i> mã hóa enzyme phytase từ <i>Escherichia coli</i> B.	2	x	Kỷ yếu Khoa học tại Hội nghị quốc gia lần thứ 1 về Nghiên cứu và Giảng dạy Sinh học ở Việt Nam, Hà Nội 2012.	Kỷ yếu hội nghị Quốc Gia		715 – 720	2012
9	Study to production of etomopathogenic <i>Nomuraea rileyi</i> fungal preparation for controlling larvae on spring cabbage and summer soy bean at Dong Anh, Hanoi in 2013.	3		Proceeding of International workshop on Agricultural engineering and post harvest technology for Asia sustainability	Kỷ yếu hội nghị Quốc tế		404-413	2013
10	Điều tra, thu thập, phân lập và tuyển chọn các chủng nấm bột Nr. (<i>Normurea rileyi</i>) kí sinh trên sâu hại rau, đậu tương, cà chua và hành trong hai năm 2012-2013	2		Tạp chí Bảo vệ thực vật. ISSN 0868-2801	Tạp chí KH trong nước		248 (3): 20-25	2013
11	Nghiên cứu ảnh hưởng của việc sử dụng hóa chất tối thiên địch trên ruộng rau vùng Hà Nội năm 2010-2011.	2		Kỷ yếu Khoa học, Hội nghị côn trùng học Quốc gia, lần thứ 8, tại Hà Nội, ngày 10-11/4/2014.	Kỷ yếu hội nghị Quốc gia		641-650	2014
12	Nghiên cứu môi trường thay thế và quy trình xử lý, bảo quản màng bacterial cellulose (BC) từ vi khuẩn <i>Gluconacetobacter intermedius</i> , chủng BHN2 - 21 để ứng dụng trong bảo quản rau củ, quả tươi	5	x	Tạp chí khoa học ĐH Quốc gia HN. ISSN 0866-8612.	Tạp chí KH trong nước		30 (1S): 249-259	2014
13	Nghiên cứu thành phần môi trường để sản xuất chế phẩm nấm Normuri (<i>Normurea rileyi</i>) để ứng dụng phòng trừ sâu hại rau và đậu tương.	3		Tạp chí khoa học ĐH Quốc gia HN. ISSN 0866-8612.	Tạp chí KH trong nước		30 (1S): 218-225	2014
14	Nghiên cứu thiết kế đột biến điểm để tăng cường khả năng kháng pepsin của phytaza kiềm từ <i>Bacillus subtilis</i> .	4	x	Tạp chí khoa học ĐH Quốc gia HN. ISSN 0866-8612.	Tạp chí KH trong nước		31 (4S): 86-93	2015
15	Identification of <i>Streptomyces</i> sp. QN63 against antibiotic resistant <i>Staphylococcus aureus</i> .	3		Journal of Science of HNUE – Chemical and Biological Sciences	Tạp chí KH trong nước		60 (9): 112-118	2015
16	Điều tra thành phần vi sinh vật ký sinh gây bệnh trên	3		Kỷ yếu Khoa học tại Hội nghị quốc gia lần thứ 2 về Nghiên cứu và	Kỷ yếu hội		808-814	2016

	côn trùng hại rau và đậu tương vùng Hà Nội năm 2014-2015.			Giảng dạy Sinh học ở Việt Nam, Đà Nẵng 2016.	ng nghị Quốc gia			
17	Phân lập, tuyển chọn và nghiên cứu vi khuẩn lactic sinh β - galactosidase từ sáo ong.	2	x	Kỷ yếu Khoa học tại Hội nghị quốc gia lần thứ 2 về Nghiên cứu và Giảng dạy Sinh học ở Việt Nam, Đà Nẵng 2016.	Kỷ yếu hội nghị Quốc gia		1257-1265	2016
18	Nghiên cứu và ứng dụng nấm côn trùng <i>Nomuraea rileyi</i> (Nr) phòng trừ sâu hại rau và đậu tương.	3		Kỷ yếu Khoa học tại Hội nghị quốc gia lần thứ 2 về Nghiên cứu và Giảng dạy Sinh học ở Việt Nam, Đà Nẵng 2016.	Kỷ yếu hội nghị Quốc gia		1266 - 1272	2016
19	Nghiên cứu ảnh hưởng của một số yếu tố môi trường và dinh dưỡng đến quá trình lên men vang để sản xuất Brandy từ dứa Queen bằng chủng nấm men <i>Saccharomyces cerevisiae</i> D8.	3		Tạp chí Khoa học và công nghệ Nông nghiệp Việt Nam	Tạp chí KH trong nước		12 (73): 23-28	2016
20	Nghiên cứu kết hợp phương pháp hóa học và chưng cất phân đoạn trong nâng cao chất lượng rượu thóc và rượu ngô ủ men lá truyền thống của tỉnh Tuyên Quang.	3	x	Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Tạp chí KH trong nước		15: 76 – 80	2016
21	Fusing two phytase genes by PCR-driven overlap extension.	3	x	Journal of Science of HNUE – Chemical and Biological Sciences 9/2016	Tạp chí KH trong nước		61 (9): 152-161	2016
22	Phân lập và tuyển chọn các chủng nấm Ma (<i>Metarhizium anisopliae</i>) trên bộ đầu đen (<i>Mesomorphus</i> sp.) hại cây cao su tại sư đoàn 302, tỉnh Đồng Nai	4		Kỷ yếu Khoa học, Hội nghị côn trùng học Quốc gia, lần thứ 9, tại Hà Nội, 2017.	Kỷ yếu hội nghị Quốc gia		696-702	2017
23	Nghiên cứu các điều kiện thích hợp để nuôi cấy và sản xuất chế phẩm nấm <i>metarhizium anisopliae</i>	3		Kỷ yếu Khoa học, Hội nghị côn trùng học Quốc gia, lần thứ 9, tại Hà Nội, 2017.	Kỷ yếu hội nghị Quốc gia		703-709	2017
24	Nghiên cứu sử dụng enzyme phytaza từ <i>Bacillus subtilis</i> để chuyển hóa phytate trong sữa ngũ cốc thành dạng photphat và kim loại dễ hấp thu.	3	x	Tạp chí khoa học ĐH Quốc gia HN. ISSN 0866-8612.	Tạp chí KH trong nước		33 (2S): 65-70	2017
25	Hoạt độ enzyme nội sinh và hàm lượng một số yếu tố	3	x	Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn, tháng	Tạp chí KH		12/2017: 155-160	2017

	dinh dưỡng trong giai đoạn nảy mầm sớm của vùng đen Campuchia và vùng trắng V6 (<i>Sesamum indicum</i>)				trong nước			
26	Nghiên cứu khả năng kháng pepxin của đột biến điểm Y143P, E189P, E297P trên bề mặt phytaza từ <i>Bacillus subtilis</i>	2	x	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Tạp chí KH trong nước		9: 90-94	2017
27	Synergic effect of different phytase preparations in feed.	2	x	Journal of Science of HNUE – Chemical and Biological Sciences 9/2017	Tạp chí KH trong nước		62(10): 143-152	2017
28	Taxonomic characterization and identification of <i>Saccharomyces cerevisiae</i> D8 for brandy production from pineapple	3	x	TAP CHI SINH HOC	Tạp chí KH trong nước		39(4): 474-482	2017
29	Đánh giá hoạt tính một số enzyme nội sinh và hàm lượng dinh dưỡng của hạt ngô nảy mầm trong chế biến sữa ngô.	2	x	Báo cáo khoa học về nghiên cứu và giảng dạy sinh học ở Việt Nam, lần thứ 3 tại Quy Nhơn - 20/5/2018	Kỷ yếu hội thảo Quốc gia		854-862	2018
30	Vai trò của gỗ sồi trong cất giữ brandy dứa ở Việt Nam	3		Tạp chí sinh học	Tạp chí KH trong nước		40 (2se): 130 - 138	2018
31	Đánh giá hàm lượng một số yếu tố dinh dưỡng và enzyme trong giai đoạn nảy mầm sớm của hai giống đậu tương (<i>Glycine max</i>) DT84 và DT2008	3	x	Tạp chí sinh học	Tạp chí KH trong nước		40(1): 76-83	2018
32	Cải biến chủng nấm men <i>Saccharomyces cerevisiae</i> D8 bằng kỹ thuật đột biến ngẫu nhiên nhằm nâng cao hoạt lực lên men ethanol	3		Tạp chí công nghệ sinh học	Tạp chí KH trong nước		16(2): 337 - 344	2018
33	Lên men, thu hồi và tinh sạch phytase có nguồn gốc từ <i>Bacillus subtilis</i> trong <i>Escherichia coli</i> tái tổ hợp	2	x	Tạp chí Khoa học, ĐH Sư phạm HN, Khoa học tự nhiên	Tạp chí KH trong nước		64(3): 123-132	2019
34	Nghiên cứu ảnh hưởng kháng dinh dưỡng của phytate và thử nghiệm sử dụng enzyme để xử lý	3	x	Tạp chí Công nghệ sinh học	Tạp chí KH trong nước		17 (1): 167-177	2019

	phytate trong sữa đậu nành							
35	Nghiên cứu sử dụng enzyme phytase để nâng cao giá trị dinh dưỡng khoáng trong sữa yến mạch thanh trùng Pasteur	2	x	Tạp chí Khoa học, ĐH Sư phạm HN, Khoa học tự nhiên	Tạp chí KH trong nước		65(3): 107-116	2020
36	Nghiên cứu loại bỏ phytate bằng enzyme phytase nhằm nâng cao giá trị dinh dưỡng khoáng và protein trong sữa đậu nành thanh trùng Pasteur.	2	x	Báo cáo khoa học về Nghiên cứu và giảng dạy sinh học lần thứ 4. DOI:10.15625/vap.2020.00094 Vĩnh Phúc 4/7/2020	Kỷ yếu hội thảo Quốc gia		759-768	2020
37	Phân lập và tuyển chọn nấm men có khả năng lên men dịch chiết lá tía tô (<i>Perilla frutescens</i> (L.) Britton)	3		Báo cáo khoa học về Nghiên cứu và giảng dạy sinh học lần thứ 4. DOI:10.15625/vap.2020.000105. Vĩnh Phúc 4/7/2020	Kỷ yếu hội thảo Quốc gia		848-855	2020
38	Nghiên cứu khả năng sinh trưởng và lên men dịch chiết lá tía tô (<i>Perilla frutescens</i> (L.) Britton) của chủng nấm men NM3.6	3	x	Tạp chí Khoa học, ĐH Sư phạm HN, Khoa học tự nhiên	Tạp chí KH trong nước		66(1): 146-156	2021

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 03 bài (ở số thứ tự: 5, 6 và 7).

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1	Quy trình sản xuất sữa đậu nành dễ tiêu hóa	Cục sở hữu trí tuệ, Bộ KH-CN	13/11/2020	Tác giả chính	1
2	Quy trình sản xuất sữa đậu ngũ cốc dễ tiêu hóa	Cục sở hữu trí tuệ, Bộ KH-CN	13/11/2020	Tác giả chính	1

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): 02 bằng (số 1 và 2).

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
...					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
...						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh ☐ GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV ☐ chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh ☐ GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 ☐ CTKH ; 04 ☐ CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 ☐ CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

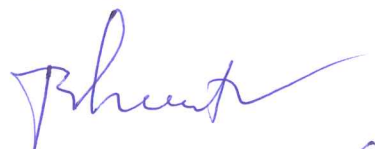
C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2021

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)


Trần Thị Thuý